

Số: 43 /BC-SKHCCN

Quảng Trị, ngày 13 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2026

Thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 913/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026; Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn quy trình hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với kết quả sau hơn 2 năm triển khai như sau:

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết

Công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các nội dung, quy trình hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cho các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh được triển khai thực hiện thường xuyên. Việc tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết được triển khai đầy đủ, đa dạng phong phú bằng các hình thức như: tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn, tổ chức Hội thảo và tuyên truyền trên Đài PTTH tỉnh và Báo Quảng Trị..... qua đó đã giúp cấp, các ngành, các địa phương và xã hội nắm bắt được các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực của các tổ chức, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; từng bước tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, làm cho khoa học và công nghệ là động lực quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Những kết quả đã đạt được sau 02 năm triển khai Nghị quyết

2.1. Năm 2022, đã triển khai hỗ trợ cho 40 tổ chức/cá nhân với tổng kinh phí hỗ trợ: 1.295 triệu đồng trong đó:

- Lĩnh vực ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản, ứng dụng công nghệ cao trong

sản xuất nông nghiệp: hỗ trợ 03 dự án của 3 doanh nghiệp với kinh phí 550 triệu đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

- Lĩnh vực ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu: hỗ trợ 02 dự án cho 02 tổ chức/cá nhân với kinh phí 108 triệu đồng (Một trăm linh tám triệu đồng chẵn).

- Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp văn bằng sở hữu công nghiệp 09 nhãn hiệu cho 09 tổ chức/cá nhân với kinh phí 75 triệu đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

- Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến (ISO 9001:2015, ISO 14001:2015: VietGap, Hữu cơ, ...), các Tiêu chuẩn cơ sở cho 26 cơ sở/doanh nghiệp với kinh phí 553 triệu đồng (Năm trăm năm mươi ba triệu đồng chẵn).

2.2. Năm 2023, đã triển khai hỗ trợ cho 40 tổ chức/cá nhân với tổng kinh phí hỗ trợ: 1.600 triệu đồng trong đó:

- Lĩnh vực ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyên gia công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp: hỗ trợ 05 dự án của 5 doanh nghiệp với kinh phí 720 triệu đồng (Bảy trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

- Lĩnh vực ứng dụng và nhân rộng các kết quả nghiên cứu: hỗ trợ 02 dự án cho 01 cá nhân với kinh phí 25 triệu đồng (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn).

- Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ: hỗ trợ xây dựng, đăng ký và được cấp văn bằng sở hữu công nghiệp 05 nhãn hiệu cho 05 tổ chức/cá nhân với kinh phí 28 triệu đồng (Hai mươi tám triệu đồng chẵn).

- Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: hỗ trợ xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn tiên tiến (ISO 9001:2015, ISO 14001:2015: VietGap, Hữu cơ, ...), các Tiêu chuẩn cơ sở cho 37 cơ sở/doanh nghiệp với kinh phí 840 triệu đồng (Tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn)/.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLCN&ĐMST.



BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh ban hành, cụ thể như sau:

1. Về Dự thảo văn bản

- Tên gọi: Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026.

- Nội dung chính: Sửa đổi điểm d khoản 1 Mục III Điều 1 và điểm d khoản 2 Mục III, Điều 1 của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 về mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ.

2. Ý kiến thẩm định và tiếp thu, giải trình

Ngày 25/3/2024, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số 483/BC-STP về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026, Sở Khoa học và Công nghệ giải trình và tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp với các nội dung như sau:

2.1. Đối với Dự thảo Nghị quyết

a) Ý kiến thẩm định 1: Tại phần căn cứ ban hành văn bản:

- Đề nghị rà soát chỉnh sửa cách trình bày ngày, tháng, năm ban hành văn bản, đồng thời đưa căn cứ thứ hai lên cùng hàng với căn cứ thứ nhất để đảm bảo thống nhất với căn cứ thứ sáu, cụ thể như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;"

- Đề nghị xem xét bổ sung Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước vào phần căn cứ ban hành văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định, trình bày đầy đủ ngày, tháng, năm ban hành văn bản và bổ sung Nghị định số 163/2016/NĐ-CP vào phần căn cứ ban hành văn bản.

b) Ý kiến thẩm định 2: Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị trình bày bố cục theo Điều, khoản, điểm cho phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

c) Ý kiến thẩm định 3: Tại phần nơi nhận: Đề nghị chỉnh sửa “Công thông tin điện tử tỉnh” và “Công báo tỉnh” thành “Công thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo)”.

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

2.2. Đối với Dự thảo Tờ trình

a) Ý kiến thẩm định 1: Đề nghị rà soát chỉnh sửa trích yếu của của dự thảo Tờ trình, cụ thể như sau: “Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của...”.

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

b) Ý kiến thẩm định 2: Tại sự cần thiết ban hành văn bản: Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tổng quan kết quả thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND, đồng thời nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết để thấy rõ lý do cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và bổ sung nội dung đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND vào phần sự cần thiết ban hành văn bản.

2.3. Đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách

a) Ý kiến thẩm định 1: Đề nghị rà soát chỉnh sửa tên gọi của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND trong toàn bộ văn bản cho phù hợp, cụ thể như sau: “Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026”.

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

b) Ý kiến thẩm định 2: Tại mục 1.4 và mục 2.4 của Báo cáo đánh giá tác động chính sách, quý cơ quan chưa đánh giá tác động tích cực (lợi ích) và tác động tiêu cực (chi phí) của giải pháp đưa ra theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị quý cơ quan xem xét chỉnh sửa lại nội dung của các mục này cho phù hợp với quy định hiện hành.

- Ý kiến tiếp thu và giải trình: Tiếp thu và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026. Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTra.

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Lân



Số: 483 /BC-STP

Quảng Trị, ngày 25 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 208/SKHCN-TTra ngày 13/3/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc đề nghị thẩm định Dự thảo tờ trình và Dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh (*Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026*); thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH TỪNG NỘI DUNG

1. Về sự cần thiết ban hành văn bản

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng và nhân rộng các tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực của các tổ chức, cá nhân trong việc ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, tạo sự chuyên biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh; từng bước tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, làm cho khoa học và công nghệ là động lực quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh; ngày 09/12/2021, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy nhiên thực tiễn cho thấy chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập cần được điều chỉnh theo hướng tăng mức hỗ trợ nhằm khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chính vì vậy, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội

đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét ban hành là cần thiết và phù hợp với thực tiễn của địa phương hiện nay.

2. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng tại dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo không quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

3. Về sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật; về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản:

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản:

- Đề nghị rà soát chỉnh sửa cách trình bày ngày, tháng, năm ban hành văn bản, đồng thời đưa căn cứ thứ hai lên cùng hàng với căn cứ thứ nhất để đảm bảo thống nhất với căn cứ thứ sáu, cụ thể như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;”

- Đề nghị xem xét bổ sung Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước vào phần căn cứ ban hành văn bản để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

b) Tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết:

Đề nghị trình bày bố cục theo Điều, khoản, điểm cho phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Mẫu số 36 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh...
3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh...”

c) Tại phần nơi nhận:

Đề nghị chỉnh sửa “Công thông tin điện tử tỉnh” và “Công báo tỉnh” thành “Công thông tin điện tử tỉnh (đăng Công báo)”

4. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị rà soát chỉnh sửa trích yếu của của dự thảo Tờ trình, cụ thể như sau:

“Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của...”

b) Tại sự cần thiết ban hành văn bản:

Đề nghị bổ sung nội dung đánh giá tổng quan kết quả thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND, đồng thời nêu rõ những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết để thấy rõ lý do cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND.

5. Đối với Báo cáo đánh giá tác động của chính sách:

a) Đề nghị rà soát chỉnh sửa tên gọi của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND trong toàn bộ văn bản cho phù hợp, cụ thể như sau:

“Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026”.

b) Tại mục 1.4 và mục 2.4 của Báo cáo đánh giá tác động chính sách, quý cơ quan chưa đánh giá tác động tích cực (lợi ích) và tác động tiêu cực (chi phí) của giải pháp đưa ra theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Vì vậy, đề nghị quý cơ quan xem xét chỉnh sửa lại nội dung của các mục này cho phù hợp với quy định hiện hành.

II. KẾT LUẬN:

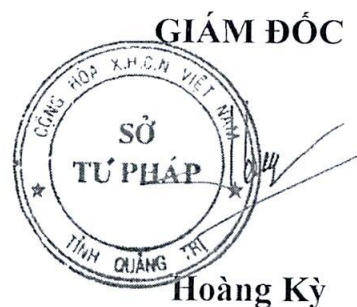
Từ những ý kiến thẩm định trên đây, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành sau khi đã bổ sung, chỉnh lý và hoàn thiện lại theo ý kiến thẩm định nêu trên và ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, XD&KTVBQPPL.





Số: 64 /BC-SKHCN

Quảng Trị, ngày 05 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số
163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng
Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả
khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026.

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Tình hình kinh tế thế giới trong thời kỳ đẩy mạnh toàn cầu hoá với kinh tế tri thức là trọng tâm của sự phát triển, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có nhiều biến đổi sâu sắc về công nghệ và cơ cấu sản phẩm. Thể hiện cụ thể trên các lĩnh vực:

(1) Trong quá trình toàn cầu hoá, các chuẩn mực quốc tế về nguyên tắc và các định chế quốc tế sẽ trở thành nền tảng chi phối đến sự vận hành của nền kinh tế thế giới. Theo đó, sự cạnh tranh giữa các quốc gia về nguồn lực và công nghệ sẽ ngày càng gay gắt hơn;

(2) Sự phụ thuộc lẫn nhau của các nước trên thế giới ở phạm vi khu vực và toàn cầu cũng như khoảng cách về kinh tế ngày càng lớn;

(3) Sự trỗi dậy của một số nền kinh tế mới nổi (nhất là Trung Quốc và Ấn Độ) làm dịch chuyển mạnh mẽ cơ cấu kinh tế trên phạm vi toàn cầu và theo vùng địa lý;

(4) Tiến bộ KH&CN với kinh tế tri thức, tạo cơ hội cho các nước đi sau bắt nhịp và tham gia chuỗi kinh tế toàn cầu, là thời cơ để "rút ngắn" quá trình CNH, HĐH. Với những thách thức và cơ hội trên đặt ra nhiệm vụ rất quan trọng trong lĩnh vực đổi mới công nghệ.

Tỉnh Quảng Trị, đã xây dựng 05 khu công nghiệp (03 khu công nghiệp có quyết định thành lập), 17 cụm công nghiệp. Tính đến tháng 12/2020, toàn tỉnh có gần 4.000 doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp đang hoạt động chủ yếu trong các lĩnh vực: Cơ khí, Xây dựng, Dệt may, Thương mại - Dịch vụ, ... Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp Quảng Trị còn lúng túng khi gặp phải các vấn đề cần giải quyết liên quan đến công nghệ như: Nghiên cứu, cải tiến và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; Quá trình đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp chưa thật sự sâu và rộng; Thị trường công nghệ còn hạn chế.

Trình độ công nghệ hầu hết đang ở mức thấp. Với thực trạng trình độ công nghệ như vậy, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao. Vì vậy, nền sản xuất công nghiệp của Quảng Trị chưa theo kịp với sự phát triển và tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Dẫn đến Quảng Trị đang đứng trước thách thức lớn do xu hướng phát triển đang bị chậm lại và tốc độ đổi mới công nghệ của Quảng Trị chưa được cải thiện.

Thị trường khoa học công nghệ có vai trò trung tâm trong việc đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, đưa khoa học công nghệ vào cuộc sống, nhất là trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tuy nhiên thị trường khoa học công nghệ Quảng Trị còn phát triển chậm, vẫn còn rất nhỏ bé, chưa sôi động, thiếu môi trường pháp lý đầy đủ và cơ chế chính sách thúc đẩy hỗ trợ, thiếu sự quan tâm chỉ đạo cần thiết. Một số doanh nghiệp đã mua sắm công nghệ nhưng do thiếu kiến thức, thông tin thị trường công nghệ dẫn đến đầu tư công nghệ lỗi thời, không phát huy hiệu quả. Một số doanh nghiệp đang tham gia thị trường và hoạt động khoa học công nghệ nhưng vẫn e ngại do dự đăng ký trở thành doanh nghiệp KH&CN. Những tồn tại hạn chế nêu trên phải được khắc phục bằng một cơ chế chính sách thúc đẩy và phát triển thị trường khoa học công nghệ.

Qua thực tiễn cho thấy chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư vào hoạt động KH&CN còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được điều chỉnh. Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 (sau đây viết gọn lại là Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND) có nội dung liên quan đến hỗ trợ đổi mới công nghệ, tài sản trí tuệ, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tuy nhiên qua thực tế triển khai trên địa bàn tỉnh do phạm vi các loại hình công nghệ được hỗ trợ hẹp, yêu cầu về điều kiện chưa phù hợp với tình hình sản xuất thực tiễn của doanh nghiệp ở địa phương, mức hỗ trợ thấp không thu hút được doanh nghiệp quan tâm,...nên đến nay số doanh nghiệp được hỗ trợ theo Nghị quyết này về hoạt động đổi mới, chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến rất khiêm tốn (07 Doanh nghiệp được hỗ trợ); Về ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ hỗ trợ 03 mô hình/dự án.

Nhằm giúp doanh nghiệp thấy được hiệu quả ứng dụng KH&CN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; bảo vệ, giữ gìn và phát huy tài sản trí tuệ; nhãn hiệu sản phẩm, hàng hóa; đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Đồng thời phù hợp yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh theo hướng tăng mức hỗ trợ nhằm khuyến khích doanh nghiệp, người dân tham gia hoạt động chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

Qua những bất cập nêu trên, mục tiêu xây dựng chính sách nhằm chia sẻ gánh nặng chi phí cho doanh nghiệp khi đầu tư vào hoạt động KH&CN; giúp cho doanh nghiệp thấy được vai trò của KH&CN trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; giúp doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa; bảo vệ, giữ gìn và phát huy tài sản trí tuệ; cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu sản phẩm, hàng hóa; nâng cao năng lực cạnh tranh; đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài nước;... Đặc biệt, thông qua việc thực hiện chính sách sẽ tạo được động lực quan trọng, khuyến khích đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp, Doanh nghiệp khoa học công nghệ. Từ đó góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Cụ thể hóa các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước mới để phát triển KH&CN phù hợp với tình hình thực tế tại Quảng Trị.

- Bổ sung chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, cải tiến công nghệ; ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN nhằm tạo ra tiềm năng tăng trưởng cao.

- Tạo môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước và từ nước ngoài vào địa phương để nhanh chóng cải thiện trình độ công nghệ và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp từ đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của sản phẩm, dịch vụ.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ- thiết bị mới vào sản xuất, kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hạn chế tác hại đến môi trường nâng cao hiệu quả, chất lượng các dự án đầu tư vào tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nâng cao trình độ công nghệ nhằm góp phần hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

- Đẩy mạnh hoạt động thị trường công nghệ, đổi mới sáng tạo và sáng chế trong lĩnh vực công nghệ - thiết bị.

- Ứng dụng các công nghệ quản lý tiên tiến, truy suất nguồn gốc, tiêu tiêu của sản phẩm, phát triển tài sản trí tuệ,... và đẩy mạnh thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu dựa trên tri thức đổi mới, sáng tạo, KH&CN cao.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH CÀN BỔ SUNG

1. Chính sách 1: Hỗ trợ ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ, trong sản xuất và chế biến hàng hóa nông lâm, thủy sản;

ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Năng suất của nền kinh tế có 3 yếu tố chính là năng suất lao động, năng suất vốn và năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP). TFP cũng chính là những đóng góp từ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo vào năng suất. Thời gian qua, khi mà dư địa để tăng năng suất từ năng suất lao động và năng suất vốn không còn nhiều, việc tăng TFP chính là động lực để thúc đẩy tăng năng suất trong doanh nghiệp cũng như năng suất của nền kinh tế nhiều nước nói chung và Việt Nam nói riêng. Ngày 18/01/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành "Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030" tại Quyết định số 36/QĐ-TTg. Điều này chứng tỏ rằng không chỉ về hiệu quả vốn đầu tư, năng suất lao động, mà TFP đối với các ngành đều có mức độ ảnh hưởng đến chất lượng nền kinh tế. Do vậy cần nâng cao hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm góp phần tăng trưởng kinh tế bền vững.

Hiện trạng công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị cơ bản thuộc 05 lĩnh vực: sản xuất vật liệu xây dựng; cơ khí; điện; chế biến nông - lâm - sản, thực phẩm; dệt may và lĩnh vực khác. Trình độ công nghệ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phần lớn ở mức thấp, công nghệ lạc hậu; một số công nghệ trung bình tiên tiến và quá ít công nghệ tiên tiến (gần như là không đáng kể). Với thực trạng trình độ công nghệ như vậy, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao. Mặt khác, hàng năm Sở KH&CN, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh,... tiến hành thẩm định, cho ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư mới trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và cho thấy trình độ công nghệ hầu hết các dự án nằm ở mức trung bình, một số ít dự án đầu tư nước ngoài có trình độ trung bình tiên tiến.

Về hợp đồng chuyển giao công nghệ: Trong những năm qua chủ yếu là các doanh nghiệp FDI thực hiện, các hợp đồng giữa công ty mẹ từ nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,...) với các công ty con FDI trong nước, tuy nhiên, việc đăng ký không bắt buộc nên chưa có hợp đồng chuyển giao công nghệ được đăng ký tại Sở KH&CN. Các doanh nghiệp trong nước không có hoặc có nhưng không thực hiện đăng ký tại Sở KH&CN. Qua rà soát cho thấy, Hợp đồng chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trong nước là hợp đồng chuyển giao công nghệ thường thực hiện ở dạng kèm theo mua máy móc thiết bị không tách rời nên không thực hiện đăng ký. Muốn nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các doanh nghiệp trong nước cần tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới thông qua hình thức thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ. Để thực hiện tốt điều này, cần có chính sách khuyến khích cụ thể của tỉnh đối với các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

a) Hỗ trợ một phần kinh phí nhằm thúc đẩy hoạt động mới, cải tiến công

nghe và chuyển giao công nghệ tại các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng;

b) Góp phần phát triển doanh nghiệp bền vững, nâng cao sức cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển.

c) Thu hút sự quan tâm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đến hoạt động đổi mới, chuyển giao công nghệ.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp một phần chi phí từ nguồn ngân sách KH&CN của tỉnh để khích lệ doanh nghiệp chủ động ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch, đổi mới công nghệ, thiết bị và chuyển giao công nghệ.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Ban hành nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND theo hướng nâng mức hỗ trợ từ 30% lên 50% để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cụ thể:

- Hỗ trợ tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án. Riêng đối với các dự án đặc thù như: ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi cấy mô, sản xuất dược liệu đạt chuẩn GMP, xây dựng nhà kính ứng dụng công nghệ 4.0 (ứng dụng cảm biến và hoàn toàn tự động) thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

- Đối với quy định hiện tại thì mức đầu tư cho KH&CN còn thấp, không đảm bảo hiệu quả tối ưu trong việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN. Nội dung và định mức hỗ trợ không đáp ứng về mặt kinh tế, nhu cầu đổi mới, cải tiến, chuyển giao công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ; thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Trong bối cảnh kinh tế hội nhập hiện nay, đặc biệt là tỉnh Quảng Trị đang trong quá trình thu hút doanh nghiệp đầu tư đổi mới, cải tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Do đó với quy định hiện tại thiếu quy định về hỗ trợ hợp lý hóa sản xuất, hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử nghiệm; thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, chưa theo kịp với quy luật thị trường làm giảm sức hấp dẫn trong đầu tư hoạt động KH&CN, hệ quả kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội

- Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, trong đó có hỗ trợ đổi mới công nghệ cơ bản đã đạt được mục đích xây dựng cơ chế, đảm bảo hệ thống pháp luật cho hoạt động ứng dụng KH&CN trong phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, thực tiễn hơn 2 năm thi hành cho thấy chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích đầu tư vào hoạt động KH&CN còn tồn tại một số vướng mắc, bất cập nhất định cần được sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Từ những vấn đề trên nhận thấy:

- Tác động tích cực khi chính sách được triển khai:

Khi chính sách được thực hiện có tác dụng thúc đẩy các hoạt động đổi mới công nghệ. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, nâng cao trình độ công nghệ của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ sẽ tích cực hơn trong việc tìm kiếm công nghệ để xây dựng lộ trình đổi mới, cải tiến công nghệ hoặc thực hiện chuyển giao công nghệ. Khi công nghệ mới được đưa vào sản xuất kinh doanh sẽ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giảm bớt chi phí năng lượng và nguyên vật liệu, nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh tế. Hiệu quả của các doanh nghiệp đổi mới công nghệ sẽ lan tỏa hoạt động khoa học công nghệ trong các doanh nghiệp, thu hút đầu tư các doanh nghiệp có công nghệ cao đầu tư vào Quảng Trị góp phần cải thiện môi trường đầu tư và bảo vệ môi trường.

- Tác động tiêu cực: Dự thảo Nghị quyết ngoài quy định nâng mức hỗ trợ từ 30% lên 50% tổng kinh phí đầu tư, còn có quy định riêng đối với các dự án đặc thù, ứng dụng công nghệ cao và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Chính sách này đòi hỏi các doanh nghiệp phải có tầm nhìn chiến lược trong sản xuất kinh doanh. Phải xây dựng kế hoạch đổi mới, cải tiến công nghệ và chuyển giao công nghệ; chuẩn bị tiềm lực về tài chính và có đội ngũ chuyên gia hoặc kỹ sư có trình độ cao tìm hiểu thị trường công nghệ để lựa chọn công nghệ và tiếp cận công nghệ mới. Việc nâng mức hỗ trợ sẽ tăng thêm một phần ngân sách của tỉnh cho hoạt động KH&CN, tuy nhiên giá trị ngân sách hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối không lớn nhưng tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng doanh nghiệp quan tâm ngày càng nhiều hơn đến đổi mới, cải tiến, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu,...

2. Chính sách 2: Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp đã được nghiệm thu đánh giá tốt; việc nhân rộng các mô hình ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh còn gặp nhiều khó khăn và chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Việc ứng dụng tiến bộ KH&CN vào thực tế chưa được đầu tư, quản lý, giám sát và thực hiện một cách thống nhất, chưa có các ứng dụng KH&CN tạo thành chuỗi sản phẩm, tạo đột phá mang tính quyết định để các sản phẩm đặc sản, các cây, con mới có giá trị trở thành sản phẩm hàng hóa.

Nguyên nhân cơ bản: Các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu ứng dụng, nhân rộng các mô hình/dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thành công trong thực tiễn còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng trong việc tiếp cận với các nhà khoa học, với các tổ chức KH&CN; khả năng đầu tư, tiếp nhận quy trình, công nghệ, phát triển sản xuất còn hạn chế về nhân lực và vật lực. Chính sách hỗ trợ của nhà nước nhằm ứng dụng và nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ còn hạn chế về kinh phí. Trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới tạo nên những thay đổi rất lớn trong phát triển kinh tế toàn cầu, với trung tâm là sự phát triển công nghệ mới vào ứng dụng trong các ngành, lĩnh vực nhất là lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tự động hóa,....

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp, các mô hình/dự án ứng dụng tiến bộ KH&CN đã thành công trong thực tiễn nhằm: tăng cường liên kết giữa nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ; đẩy mạnh việc ứng dụng các kết quả khoa học và công nghệ, tạo động lực phục vụ phát triển trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Tạo điều kiện, đơn giản hóa về thủ tục, giúp doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp cận với chính sách hỗ trợ của nhà nước trong việc ứng dụng KH&CN phát triển sản xuất.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- Tăng cường việc quản lý, giám sát và thực hiện một cách thống nhất nhằm xác định và triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng tập trung ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ sản xuất, tạo chuỗi sản phẩm, tạo đột phá mang tính quyết định để các sản phẩm đặc sản, các cây con có giá trị ở các địa phương trở thành sản phẩm hàng hóa.

- Tăng cường công tác truyền thông nhằm phổ biến rộng rãi kiến thức khoa học- kỹ thuật, các tiến bộ KH&CN, các kết quả nghiên cứu KH&CN có giá trị thực tiễn cao trong cộng đồng.

- Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu ứng dụng, nhân rộng các kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

- Tăng mức hỗ trợ Hỗ trợ tối đa bằng 50% kinh phí thực hiện dự án và tối đa không quá 500 triệu đồng cho dự án ứng dụng và nhân rộng kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

Việc tăng cường quản lý, giám sát trong việc đặt hàng, xác định nhiệm vụ KH&CN các cấp sẽ giải quyết được vấn đề quan trọng: KH&CN xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và sản phẩm KH&CN đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương.

Chính sách của nhà nước sẽ tạo điều kiện định hướng và hỗ trợ thực hiện cho các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân thực hiện các dự án ứng dụng KH&CN phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, gia tăng doanh thu, lợi nhuận, tạo điều kiện giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động đồng thời cải thiện nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp theo cơ chế đặt hàng, có

mục tiêu, nội dung, địa chỉ ứng dụng cụ thể, sản phẩm của nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển triển của địa phương. Quản lý, giám sát chặt chẽ đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ trong chuyên giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu KH&CN.

Hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân có nhu cầu ứng dụng, nhân rộng các kết quả kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp.

Từ những vấn đề trên nhận thấy:

- Tác động tích cực khi chính sách được triển khai: Đây là chính sách nhằm hỗ trợ nhân rộng các kết quả nghiên cứu, đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn sản xuất, góp phần nâng cao giá trị kết quả nghiên cứu. Thực trạng cho thấy đa phần các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cách thức sản xuất theo lối truyền thống, ngại thay đổi, tiềm lực về tài chính không lớn. Hơn nữa, đầu tư nhân rộng các kết quả nghiên cứu rất mạo hiểm, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn tính rủi ra cao. Cơ quan chủ trì triển khai nghị quyết khó khăn trong việc tìm kiếm doanh nghiệp trọng điểm, tiêu biểu có đủ các điều kiện để thực hiện triển khai nhân rộng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Việc nâng mức hỗ trợ sẽ giúp cho các tổ chức, doanh nghiệp, các nhà khoa học có nhiều cơ hội để đầu tư, tiếp tục phát triển các kết quả nghiên cứu, các sáng kiến, giải pháp hữu ích vào thực tiễn sản xuất đời sống, tạo việc làm, phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Tác động tiêu cực: Giải pháp tăng mức hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả hiện nhiệm vụ KH&CN tối đa từ mức 30% lên 50% sẽ tăng một phần chi ngân sách của tỉnh, tuy nhiên qua thực tế 02 năm triển khai Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐN tỉnh thì mức tăng là không đáng kể (Tổng mức hỗ trợ nội dung này trong năm 2022 và 2023 là 133 triệu đồng).

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Qua quá trình lấy ý kiến (*trực tiếp và đăng tải trên trang thông tin điện tử*) góp ý dự thảo, đa số các sở, ngành, địa phương đều đồng tình là cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, tổng hợp các ý kiến tham gia, bổ sung, chỉnh sửa hoàn chỉnh dự thảo.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Ngày 30/3/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 913/QĐ-UBND Quy định hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2026 để triển khai thực hiện Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND. Trong đó, UBND tỉnh giao Sở khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện có hiệu quả các chính sách; tổng hợp kết quả, định kỳ báo cáo UBND và HĐND tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và

các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động chính sách Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TTra, QLCN&ĐMST.

GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Lân

